

Thờ bách thần, thanh trừng thần linh thời vua Thiệu Trị

VÕ PHƯƠNG LAN^(*)

Vài nét về việc thờ thần của các vua đầu triều Nguyễn

Vương triều Nguyễn được thành lập sau một thời gian dài cát cứ, lãnh thổ chia cắt, chiến tranh tương tàn giữa các tập đoàn phong kiến. Tư tưởng Nho giáo đã từng hưng thịnh thời Lê suy yếu đi nhiều. Với việc được vương triều Nguyễn chọn làm ý thức hệ chính thống, Nho giáo lần nữa hồi sinh và mang diện mạo nghiêm khắc hơn. Đề cao tư tưởng Nho giáo, các vua Gia Long, Minh Mệnh xây dựng chính quyền theo chiều hướng tập trung cao độ, kiểm soát chặt chẽ. Gia Long xây dựng nền móng, Minh Mệnh hoàn thiện chế độ. Những đường hướng chính của các chính sách đối với tín ngưỡng tôn giáo đã cơ bản hình thành vào giai đoạn này.

Nhà nước quân chủ tập quyền theo mô hình Nho giáo. Về mặt thế quyền, vua là nhân vật trung tâm có uy quyền tuyệt đối về mọi phương diện thế tục đối với quan lại, dân chúng. Về thần quyền, Nho gia nêu thuyết "Thiên mệnh": Vua là Thiên tử, nhận mệnh Trời cai trị dân. Ngôi Vua do Trời định, chỉ có vua mới có quyền tế Trời.

Thờ thần là tín ngưỡng phổ biến của người dân. Cõi tâm linh ấy phản ánh tư tưởng, ước mơ của dân chúng. Đặt thế giới thần linh dưới sự giám quản của triều đình cũng đồng nghĩa với việc tạo

quyền uy của nhà vua trên cõi thiêng, có tác dụng củng cố cho quyền lực thế tục. Giám quản bách thần là một trong những công tác quan trọng của triều đình.

Thần học Nho giáo cho vua là con Trời, có quyền chủ tể bách thần trong cõi. Quyền ấy được thi hành thông qua bộ máy nhà nước là bộ phận Giám quản bách thần thuộc bộ Lễ. Về mặt hành chính, hệ thống thờ tự của triều đình có thể chia làm hai bậc, trung ương và địa phương. Dù ở trung ương hay địa phương, một khi đã thuộc vào điển thờ của triều đình thì sẽ được bao cấp mọi mặt: xây dựng, tu sửa, trang bị đồ thờ, nhân công phục dịch, chi phí thờ phụng, nhân sự phụ trách việc cúng tế, v.v... được ghi trong điển lễ. Thần của dân chúng (không có tên trong điển lễ triều đình) nếu đáp ứng được những tiêu chuẩn nhất định sẽ được triều đình phong thần ban sắc giao cho dân thờ cúng.

Tuỳ theo tầm mức quan trọng đối với quốc gia, công trạng bảo dân hộ quốc trong quá khứ, mức độ linh ứng ở hiện tại mà bách thần được chia ra các hạng Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần và Tôn thần. Theo đặc điểm, thời Minh Mệnh bách thần được phân ra: Thiên thần, Thân thần⁽¹⁾, Nhân thần, Thổ thần,

*. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Thân thần: những vị thần nguyên là người được phong phúc thần

Sơn thần, Thủy thần, đấng đạo thành tiên... Các thần được nhà nước công nhận bằng sắc phong của triều đình. Mỗi dịp đại khánh quốc gia, khi vua tuần du, hay khi cầu đảo tỏ ra đặc biệt linh ứng, thần có thể được ban thêm sắc phong, gia tăng phẩm trật, mi tị hay cơ sở thờ tự được nâng cấp, xây mới.

Nhà vua cũng có quyền hạ tâng hay thanh trừng thần linh như hạ phẩm trật, xoá tên trong điển lễ, trục xuất ra khỏi cơ sở, phá bỏ nơi thờ tự, cấm dân chúng cúng tế, v.v... một khi bị phát hiện không đáp ứng tiêu chuẩn, không đủ linh ứng hay hành trạng có điều phương hại đến uy quyền, đến lòng trung thành đối với vương triều. Các vụ việc này do bộ Lễ phát hiện và đệ trình, vua là người quyết định cuối cùng.

Thực tế việc giám quản bách thần đã được thực hành ráo riết và thu được thành quả trong thời Gia Long, Minh Mệnh. Có thể kể ra đây những nét chính:

Năm 1806, vua Gia Long cho dựng đàn Nam Giao và đàn Xã Tắc tại kinh đô Huế. Hệ thống Tôn miếu dòng họ Nguyễn cũng hình thành. Những vị chúa có công lớn cùng thần núi coi giữ lăng mộ họ được phối tự trên đàn Nam Giao.

Đàn Nam Giao thực chất là một thần điện, Trời Đất (Hiệu Thiên Thượng đế, Hoàng Địa kì) làm chủ đàn, ngự trên đàn tròn trên cùng. Các thần vũ trụ: Mặt Trời, Mặt Trăng, chủ tế các vì tinh tú, các thần tạo nên những hiện tượng tự nhiên, các vị thần của hình thể địa lí trên mặt đất và các thần kì nói chung trên toàn cõi lần lượt tòng tự tại đàn vuông phía dưới. Tổ tiên dòng họ Nguyễn được đưa lên phối tự hai bên tả hữu Thượng đế, y như Văn vương nhà Chu xưa “Văn vương trác giáng tại Đế tả hữu” (*Vua Văn vương lên xuống ở bên trái, bên phải Thượng đế*)⁽²⁾.

Nhà Nguyễn chọn Huế làm kinh đô, Thăng Long đổi ra Bắc Thành, xuống cấp chỉ còn là một thành phố địa phương, hệ thống thần linh cũ phía bắc bị thất thế. Tập trung quyền lực về kinh đô Huế, nổi lên là hệ thống thần linh gắn với dòng họ Nguyễn và công cuộc mở cõi về phương Nam.

Thừa Thiên - Huế, đất đứng chân của giòng họ Nguyễn nên các thần núi sông khu vực này đều được phong và xếp hàng đầu trong số thần danh sơn đại xuyên trên khắp đất nước. Năm 1840, vua Minh Mệnh chuẩn định lệ cúng tế các thần danh sơn đại xuyên cho các địa phương.

Họ Nguyễn nhớ ơn công lao nhiều thế hệ người Việt theo các chúa Nguyễn trong cuộc mở đất, trung hưng. Hệ thống miếu thờ phụng hàng ngàn vị công thần được xây dựng tại kinh đô Huế và các địa phương, các công thần hàng đầu được phối thờ trong Tôn miếu.

Chăm sóc việc tế tự cho các vương triều trước (Lịch đại Đế vương) ở cấp trung ương và địa phương. Đó là thông lệ chung của nhà nước phong kiến Nho giáo vốn coi trọng thờ cúng tổ tiên, đồng thời cũng là xác định tính chính đáng của vương triều mới như một triều đại kế tiếp của quốc gia. Đê cao trung quân, họ Nguyễn gạt ra khỏi hệ thống này những triều đại bị coi là tiếm đoạt như triều Hồ, triều Mạc, họ Trịnh, triều Tây Sơn.

Tham gia vào cuộc mở cõi về nam cùng người Việt còn có người Hoa, người Chiêm, người Miên, v.v... Các vị quốc vương và thần linh quan trọng của các dân tộc này đều được đưa vào điển thờ.

Bách thần đủ mọi chuyên ngành được tập trung về kinh đô Huế. Trong điển thờ có đủ mặt từ các thần bảo hộ nông

2. Trần Trọng Kim. *Nho giáo*. Bộ giáo dục. Trung tâm học liệu xuất bản, 1971, quyển thượng, tr. 6.

ngiệp, làm gió mưa, trấn núi sông của biển, v.v... cho đến các thần coi về việc thổ mộc, y học, hoả pháo, sủng thần công, v.v... Nói chung là thần linh mọi ngành hoạt động kinh tế quân sự đều được đưa vào biên chế để phục vụ (âm phù) và hưởng ân sủng của triều đình.

Đối với thần linh của dân chúng, quản lí là vấn đề sống còn. Thần linh địa phương được tập trung lại, đưa vào các cơ sở thờ tự tại địa phương là miếu Hội đồng, miếu Thành Hoàng. Sớm và ráo riết nhất là vùng đất thuộc Tây Sơn, vùng phía bắc chịu ảnh hưởng của Lê - Trịnh. Miếu Hội đồng ở Thừa Thiên (đất đứng chân của triều Nguyễn), ở Bình Định (đất gốc nhà Tây Sơn) được lập ngay sau khi vua Gia Long lên ngôi (1802). Thăng Long, kinh đô cũ có miếu Hội đồng vào năm sau 1803, Quảng Ngãi (được coi là thang mộc ấp của Tây Sơn) lập miếu vào năm 1804, và tiếp nối theo là ở những địa phương khác. Ta thấy ở đây mối quan tâm của vua Gia Long đưa thần linh của vùng đất trọng yếu, vùng đất của kẻ thù xưa về với triều đình. Bình Định cũng là nơi có miếu Thành Hoàng đầu tiên (1802).

Phong thần, cấp sắc cho bách thần trong dân gian thực chất là quá trình sàng lọc, tuyển chọn, giám quản thần linh theo tinh thần tiêu chuẩn chính thống của triều đình (chính thần). Cho phép thờ phụng thỏa mãn tâm linh người dân, qua đó thu phục lòng dân đối với triều đình. Đó là một công cuộc gian nan. Tình trạng xuất phát từ thực tế phức tạp các dạng thức tín ngưỡng dân gian, phát triển quá mức ở những vùng loạn li qua các cuộc chiến tranh kéo dài, thay đổi chủ nhân nhiều lần. Số lượng thần linh có đến hàng nghìn, hàng vạn, phong phú đủ loại tại các làng xã, rất nhiều lộn xộn trong thần hiệu, trong hiện thực thờ

cúng. Không ít vị có sắc phong từ các vương triều trước nhưng sự tích mờ mịt, hành trạng trái với tinh thần chính thống, thậm chí lại có các loại tà thần, yêu ma, có nguồn gốc côn trùng súc vật, v.v... dân chúng tự tiện thờ cúng. Lại thêm trong quá trình cấp sắc, các quan lại lợi dụng gian dối trục lợi⁽³⁾ khiến cho quá trình phong thần cấp sắc bị chậm trễ rất nhiều.

Nhà Nguyễn rất dị ứng với những gì gọi là sự tiếm vượt. Triều đình nhiều lần ra những chỉ dụ điều chỉnh thần hiệu, cấm việc thờ tượng thần, lược bỏ những biểu hiện quá trớn trong trang trí cơ sở, tiến hành cúng tế lễ hội, quy mô thờ tự ...

Rõ ràng 23 năm, từ năm Gia Long thứ 2 (1803) cho đến năm Minh Mệnh thứ 7 (1826) việc phong bách thần mới cơ bản hoàn thành sau rất nhiều những điều chỉnh sửa đổi, thậm chí là những vụ huỷ bỏ hàng loạt sắc phong.

Khi Thiệu Trị lên ngôi (1840), hệ thống đền miếu cùng nghi lễ thờ cúng của một triều đình Nho giáo⁽⁴⁾ đã cơ bản hoàn chỉnh tại kinh đô Huế và các địa phương, tuy vẫn còn rất nhiều việc phải làm. Trị vì chỉ được 7 năm, vua Thiệu Trị thực hiện nghĩa vụ tôn giáo của mình như thế nào? Đã phải điều chỉnh và bổ sung những gì?

3. Điển hình là vụ phong thần gian bị vua Gia Long trừng trị năm 1881: Tả Tham tri bộ Lễ Nguyễn Gia Cát, Thiêm sự Vũ Quý Đình làm sắc giả phong cho ông cha bố mẹ mình làm phúc thần. Bọn người dưới nhân đó cũng dựa nhau làm gian khiến điển thờ đảo lộn, nhầm lẫn, phải huỷ bỏ đến hơn 560 đạo sắc phong. Vụ Đặng Trần Thường giấu việc đưa Hoàng Ngũ Phúc, tướng Trịnh đi đánh phương Nam năm 1774 vào điển thờ; Tham quân Lê Chấn nhận riêng một đạo sắc phong đều bị trừng phạt. Vua Gia Long phải sai bộ Lễ bàn lại việc phong tặng.

4. Hệ thống thờ tự triều đình Nho giáo: Thờ cúng Trời Đất, bách thần, thờ cúng tổ tiên vua nơi Tôn miếu lăng tẩm, thờ Khổng tử.

Thờ tự cấp nhà nước tại kinh đô và các địa phương thời vua Thiệu Trị

Vua Thiệu Trị kính Trời, hàng năm thân tế Nam Giao. Năm thứ hai ở ngôi, vì việc bang giao phải Bắc tuần, nhà vua cũng cố thu xếp để có thể tế Nam Giao sớm vào tháng Giêng. Trừ năm đầu còn trong tang chế, hàng năm vua đều thân đến tế đàn Xã Tắc, miếu Lịch đại Đế vương, miếu Khổng tử và làm lễ cày ruộng Tịch điền. Lễ Hưởng bốn mùa và lễ Hợp hưởng cuối năm ở Tôn miếu và các nghi lễ khác đều được thi hành cẩn thận không khác dưới thời Minh Mệnh.

Vương triều Nguyễn, theo gương các hoàng đế Trung Hoa xưa, đưa tổ tiên lên phối thờ cùng Thượng đế trên đàn Nam Giao. Năm 1807, sau khi lên ngôi hoàng đế, vua Gia Long đã đưa Nguyễn Hoàng lên phối tự đàn Nam Giao. Năm 1822 vua Minh Mệnh đưa vua Gia Long lên phối tự. Các vị thần núi lăng mộ Nguyễn Kim (núi Triệu Tường) Nguyễn Hoàng (núi Khải Vận) Nguyễn Phúc Luân (núi Hưng Nghiệp) Gia Long (núi Thiên Thọ) đều lần lượt được dựng miếu thờ, phong tước và đưa lên đàn Nam Giao phối tự tại án thờ thần núi.

Sau khi vua Minh Mệnh mất, vua Thiệu Trị đã cho dựng lăng Minh Mệnh ở núi Hiếu Sơn. Mùa thu năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) nhà vua làm lễ ninh lăng (lễ an táng) vua cha. Trước đó đã cho xây dựng đền thờ thần núi Hiếu Sơn, phong cho thần hiệu là Chung anh Linh hựu Quảng vận Tôn thần. Thiệu Trị năm thứ ba (1843) trong lễ tế đàn Nam Giao, vua cho rước Thánh Tổ Nhân hoàng đế (Minh Mệnh) lên thăng phối. Thần núi Hiếu Sơn cũng được tòng tự tại án thờ thần núi trên đàn Nam Giao. Như vậy cho đến vua Thiệu Trị đã có ba vị tiên bối họ Nguyễn được phối thờ trên đàn tròn cao nhất,

năm vị thần núi được tòng tự tại án thần núi đàn Nam Giao.

Hệ thống Bách thần của triều đình từ trung ương đến địa phương thời Minh Mệnh hầu như đã tập hợp đủ. Thần linh có trong điển lễ triều đình, mỗi vị thi hành chức năng phù trợ (âm phù) quốc gia trong phạm vi chuyên môn hay trong địa hạt cai quản, đều được chính quyền trung ương hay quan lại địa phương cúng tế hàng năm, được gia phong hay ban tước khi gặp kì khánh điển quốc gia hay mỗi khi xa giá vua qua địa phương, và đặc biệt khi tỏ ra linh ứng trong cầu đảo. Dưới thời Thiệu Trị các cơ sở lăng tẩm đền miếu thường xuyên được tu bổ.

Về cơ sở thờ tự có một vài công trình xây dựng đáng kể như:

Năm đầu tiên ở ngôi, vua cho làm Trai cung ở đàn Nam Giao.

Trong hệ thống Lịch đại Đế vương vua Thiệu Trị có xây thêm miếu thờ quốc vương Chân Lạp, nối tiếp công việc dang dở của vua Minh Mệnh⁵. Miếu thờ quốc vương Chân Lạp ở xã Dương Xuân, hàng năm cứ đến mùa xuân mùa thu thì làm lễ. Lễ tế miếu phu và đồ thờ cũng giống như miếu thờ quốc vương Chiêm Thành tại kinh đô⁶.

Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) cho trùng tu Văn miếu.

Năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) nhà vua cho chuyển chỗ và làm lại hai đền thờ Thiên Phi và Quan Công. Nơi thờ hai vị

5. Nguyên trước kia năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) sau khi sáp nhập Chân Lạp vào bản đồ Đại Nam và đặt thành Trấn Tây, năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) vua sắc cho Bộ Lễ chọn nơi làm miếu thờ quốc vương Cao Miên (Chân Lạp) tại kinh đô, nhưng chưa khởi công thì vua Minh Mệnh mất.

6. Sau này vào năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) vua cho rút quân khỏi Cao Miên, đến năm Tự Đức thứ 10 (1857) cho đình bãi lệ tế ở miếu quốc vương Cao Miên.

thần hàng đầu của người Hoa, là dấu ấn nổi bật nhất tín ngưỡng tôn giáo mà họ mang theo trong cuộc Nam tiến. Hai đền thờ này vốn đã được dựng từ thời các chúa, phụ hai bên tả hữu chùa Thiên Mục. Năm Gia Long thứ 17 (1818) đã được làm mới. Đến đời Thiệu Trị, vua cho rằng quy chế chật hẹp, nhiều chỗ bị hư hỏng, sai bộ Công chọn xây nơi khác. Đền Quan Công được xây ngoài cửa Đông kinh thành. Đền Thiên Phi chuyển đến Sa Cương cửa biển Thuận An. Cơ sở thờ hai vị thần này tuy được làm mới nhưng thực tế lại bị đẩy ra khỏi trung tâm, mất đi vị trí nổi bật hai bên tả hữu chùa Thiên Mục.

Về cơ sở, nhân sự cho thờ cúng có một vài sửa đổi điều chỉnh:

Năm Thiệu Trị năm thứ 5 (1845). Định rõ lệ cấp miếu phu ở các miếu thờ đế vương các đời. Nguyên do là dân các xã ở Bắc Kỳ kêu xin chiếu cấp miếu phu⁽⁷⁾ và sai phu⁽⁸⁾ ở miếu thờ đế vương các đời. Bộ Lễ bàn cho rằng việc cấp miếu phu cho các sở chưa được đồng đều, cũng có nơi chưa được cấp. Nay định lại: những nơi phát tích hoặc là lăng tẩm đều cấp miếu phu 20 người, gồm các cơ sở sau:

Kinh Dương vương (làng Á Lữ, huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh)

Hùng vương (làng Nghĩa Cường, huyện Sơn Vi, tỉnh Sơn Tây)

Thục An Dương vương (một đền ở xã Cổ Loa, huyện Đông Ngạn, tỉnh Bắc Ninh; một đền ở 3 xã Hương Ái, Tập Phúc, Hương Quan, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An cùng thờ)

Đình Tiên hoàng đế (xã Trường An Thượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình)

Tám vua triều Lý (xã Đình Bảng, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh)

Mười hai vua triều Trần (xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định)

Các vua triều nhà Lê (xã Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá)

Mai Hắc Đế (4 thôn thuộc xã Hương Lãm, huyện Nan Đường, tỉnh Nghệ An)

Tiên Ngô vương (xã Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây).

Trường hợp Thái thú Giao Châu là Sĩ Nhiếp tuy không phải chính thống, nhưng vẫn tự nước Nam thực do ông xứng lên đầu tiên, cũng nhất luật cấp.

Riêng miếu Hùng Vương nguyên làm ở đỉnh núi, tất cả có ba sở, vẫn giữ ngạch cũ là 50 người.

Còn những nơi thờ đế vương khác hoặc là để truy nhớ công đức, hoặc là nơi đóng quân để giữ, không phải là nơi phát tích, mà xã dân đề nghị, đều không cấp miếu phu để có phân biệt⁽⁹⁾.

Như vậy, số cơ sở Lịch đại Đế vương đã giảm trong diễn lễ của triều đình (triều đình không bao cấp, giao về cho dân), số

7. Người giữ việc trông nom miếu thờ.

8. Người giữ việc quét tước miếu thờ.

9. Các cơ sở thờ không được triều đình chấp thuận: xã Vi Cương ở Sơn Tây thờ Hùng Vương, xã Xuân Quang ở Bắc Ninh thờ Triệu Vũ đế, phường Na Lữ ở Cao Bằng thờ Thái Tổ nhà Lê, xã Đạm Thủy ở Hải Dương thờ Thuận Tông nhà Trần, xã Phù Chấn ở Bắc Ninh thờ Uy Mục đế nhà Lê, xã Mỹ Xá ở Hưng Yên thờ Tương Dực đế, Cung hoàng đế, Kiến hoàng đế, Triết hoàng đế nhà Lê, xã Bạch Hà ở Nghệ An thờ Trang Tông nhà Lê, xã Đông Nhân châu ở Hà Nội thờ Trưng Nữ vương; Các xã Cam Giá Thịnh, Đông Sàng, Mông Phụ, Cam Lâm ở Sơn Tây cùng thờ Bồ Cái đại vương; hai xã Thượng Xá, Hạ Xá ở Nghệ An thờ Thục An Dương vương; xã Thường Vệ ở Ninh Bình thờ Đinh Tiên hoàng; xã Trung Lập ở Thanh Hoá, xã Ninh Thái ở Hà Nội cùng thờ Lê Đại Hành hoàng đế; xã Thái Dương ở Hưng Yên thờ Thái Tổ, Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông nhà Trần; thôn Bình Trung ở Nghệ An thờ Trang Tông nhà Lê; xã Trinh Hà ở Thanh Hoá, xã Đông Cầu ở Nghệ An cùng thờ Triệu Việt vương; xã Lộc Điền ở Nghệ An thờ Thái Tổ, Thái Tông, Thánh Tông nhà Lê; xã Tử Đường ở Nam Định thờ Lý Nam Đế

miếu phu của hệ thống so với thời Minh Mệnh cũng giảm (thời Minh Mệnh đặt số miếu phu là 50 người). Cơ sở được thêm vào danh sách của triều đình là miếu thờ Sĩ vương. Đền thờ Thái Tổ nhà Lê ở Na Lũ, Cao Bằng được thay bằng miếu thờ các vua triều Lê ở đất phát tích Thanh Hoá. Nói chung mỗi một triều đại chỉ có một cơ sở, phải là đất phát tích và cũng là nơi đặt lăng mộ mới được đưa vào hệ thống của triều đình.

Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), định rõ điển lễ miếu Hội đồng ở các địa phương. Nguyên năm Gia Long thứ nhất, các doanh trấn đều làm miếu Hội Đồng, cách thức rộng hẹp không đều nhau, thần vị hoặc viết vào tường vôi, hoặc làm tượng đồng, tượng đất; đồ thờ cách thờ không giống nhau. Đến đây, vua Thiệu Trị cho chuẩn định quy cách làm miếu: 3 gian 2 chái và tiền đường hợp làm 1 toà, gian chính giữa đặt 1 bài vị (ghi danh các vị dương thần⁽¹⁰⁾ Thượng đẳng) gian bên tả 2 bài vị (1 bài vị viết các dương thần Trung đẳng, 1 bài vị viết các dương thần Hạ đẳng); gian bên hữu lấy màn che cách, đặt 3 bài vị (1 bài vị viết các vị âm thần Thượng đẳng, 1 bài vị viết các vị âm thần Trung đẳng, 1 bài vị viết các vị âm thần Hạ đẳng), chái bên đông 1 bài vị (viết các vị thần: Thổ địa, Bản cảnh, Long thần, thần Ngũ phương, Hà bá, Thủy quan); chái bên tây 1 bài vị (viết các vị thần: Tiên sư, Thổ công, Táo quân, Trụ trạch). Tượng đồng, tượng đất, đều đem chôn ở chỗ đất sạch. Đồ thờ bày biện theo quy thức. Hằng năm 2 lần tế, lễ phẩm bằng trâu dê lợn, mỗi thứ 1 con⁽¹¹⁾.

Quy định về quy chế mới miếu Hội đồng cho thấy vua Thiệu Trị vẫn tiếp tục tư tưởng nhất thống trong hệ thống thờ phụng cấp địa phương, đề cao tôn ti trật tự và lễ nghi Nho giáo. Kích thước cơ sở

thờ được quy định thống nhất trên cả nước. Các thần được sắp xếp trên dưới theo tước vị được phong, được bố trí theo phạm vi chức năng, các nữ thần được đưa vào một khu vực riêng, thấp hơn các nam thần có cùng đẳng cấp một bậc, có màn che cách biệt. Cắm thờ tượng thần, thay tượng thần bằng bài vị, cũng là việc trước đây vua Gia Long, Minh Mệnh đã cố gắng thay đổi trên phạm vi cả nước.

Cũng vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), định rõ việc thờ tự các công thần ở 3 miếu: Trung Hưng, Trung Tiết, Hiển Trung.

Nguyên miếu Hiển Trung ở Gia Định được lập thời Gia Long thờ tất cả những người tiết nghĩa, có công khó nhọc giúp nhà Nguyễn từ năm Giáp Ngọ (1774) là năm chúa Nguyễn chạy vào phương Nam, đến năm Nguyễn vương lấy lại Gia Định (1789), không cứ chức hàm cao thấp, đều được thờ. Thời Minh Mệnh, Bộ Lễ bàn kỹ danh vị công thần thì miếu Hiển Trung ở Gia Định có tất cả 1015 vị. Miếu Trung Hưng, miếu Trung Tiết đều ở kinh đô Huế. Miếu Trung Hưng lập thời Gia Long thờ những công thần trong thời trung hưng có 227 vị. Miếu Trung Tiết được lập đời Minh Mệnh thờ những người tiết nghĩa có 114 vị. Người được thờ trong hai miếu ở kinh đô này là chọn trong các bề tôi thờ ở miếu Hiển Trung tại Gia Định, miếu Hà Ra Sơn ở Diên Khánh, miếu Bát Giác Đường, miếu Thi Nại ở Bình Định, miếu Cù Mông ở Phú Yên, lấy người nào có công nghiệp nổi bật, chia vào đó để thờ.

Hai miếu ở kinh đô, các bề tôi được thờ, số người không lớn, có công nghiệp rõ ràng, tuy có những vị họ tên không đủ, nhưng đều có tước vị còn có thể sắp xếp

10. Dương thần: Nam thần. Âm thần: nữ thần.
11. ĐNTLCB. Tập XXVI, tr. 81.

lại. Riêng miếu Hiền Trung, số người được thờ rất nhiều, mà số người chức vị bé nhỏ, họ tên không đủ có nhiều, dễ lầm lẫn sai sót, ngoài ra bài vị chồng chất, đã không được đẹp mắt lại dễ lầm lẫn. Các quan trong triều, trong Nội Các bàn bạc rất nhiều. Có người còn đề nghị bỏ các bài vị, viết chung vào giấy, tể rồi đốt đi. Vua Thiệu Trị cuối cùng quyết định:

“Về miếu Trung Hưng, các bệ tôi được thờ trước, đã có bài biểu; nay cho được thờ theo như cũ. Duy có miếu Trung Tiết, làm bài vị đề chung, cho kê rõ tên hàm, cũng cho chiếu theo tên, bậc biên cũ từ năm Gia Long, rồi dùng đá hoa Quảng Nam làm bia khắc tên đề thờ... Còn các bệ tôi thờ trước ở miếu Hiền Trung đến hơn ngàn người, bài biểu chồng chất, trông thực chưa nhã. Nhưng Gia Định là nơi lên ngôi vương, lúc bấy giờ làm đền riêng, thực muốn núi sông lâu dài, khói hương nghi ngút để đền đáp người có công, lưu truyền mãi mãi. Đến nay năm sáu mươi năm, linh hồn trung nghĩa được nương nhờ, phong tục nhân tâm được khuyến khích, đều ở cả đấy. Trong Lễ có nói : “Đã làm không bỏ” đó là nghĩa thế. Nay vì có bài biểu chồng chất, vội làm lại, giảm bớt mà đề chung, thiếu cả chức hàm, mất cả họ tên, thì lấy gì để yên vọng linh các bệ tôi nơi chín suối! Nghĩ rồi lại nghĩ, lòng trẫm thực không nỡ thế. Phải nên chước định vừa phải, cho thỏa vọng linh người đã khuất. Các bệ tôi thờ trước ở miếu ấy, đã có bài biểu, nay giao cho quan địa phương sở tại làm lại bằng gỗ tốt hoặc bằng đá hoa, làm thành cái bia dài, chiếu theo tên, bậc kê trước khắc vào để thờ, để tỏ cái nghĩa ghi tên vào thẻ, lựa”⁽¹²⁾.

Ngoài ra nhân việc này nhà vua cho tìm kiếm những người còn sót tên để đưa vào danh sách được chung hưởng khói hương. Các vua Gia Long, Minh Mệnh trước kia cũng đã cho quan lại địa

phương tìm kiếm trong dân gian những người đã có công với vương triều để bổ sung vào danh sách thờ, cho khỏi bị mai một vì thời gian.

Họ Nguyễn ở ngôi, trải ba đời vua, việc đánh dẹp không phải là ít. Vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) nhà vua sai Bộ Lễ bàn định việc xây dựng hai đền Hiền Lương và Trung Nghĩa để thờ các bệ tôi hết lòng giúp việc cai trị và liêu mình vì nước. Nhưng đó mới chỉ là trên kế hoạch, nhà vua chưa kịp cho thi hành thì băng (1847).

Chính sách đối với bách thần trong dân, thanh trừng thần linh dưới thời Thiệu Trị

Phong thần, cấp sắc cho bách thần trong dân thực chất là quá trình thống kê, sàng lọc, phân bậc, quản lí, giám sát, điều chỉnh theo tinh thần Nho giáo chính thống. Đây là việc làm thường xuyên của triều đình. Trong việc này, vua Thiệu Trị vẫn theo tinh thần của hai vua Gia Long, Minh Mệnh trước đây.

Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) khi dâng tôn thụy và miếu hiệu vua Minh Mệnh, nhà vua xuống chiếu có 12 điều ban ân, trong đó điều thứ 6 - Các thần kì trong cả nước, vị nào chưa được phong tặng mà xét thực là vị thần chính đáng, có sự tích rõ ràng, chuẩn cho quan địa phương làm danh sách tâu lên, do bộ bàn xét lại rồi tâu lên, sẽ liệu lượng phong tặng⁽¹³⁾.

Đến cuối năm ấy, nhà vua cho chuẩn định các thần hiệu ở các địa phương. Những thần hiệu khi trước dùng những chữ: đại vương, thánh phi, công chúa, công hầu, quý phủ nay đều tùy theo chữ, đổi là: tôn thần, chi thần, phủ quân, phu nhân, v.v... Duy có Liễu Hạnh công chúa và người được phong tước ấp cùng là các

12. ĐN TLCB. Tập XXVI, tr. 96 -103.

13. ĐN TLCB. Tập XXIII, tr. 174.

phiên vương của đế vương đời trước, các khai quốc công thần đã có tước hiệu rồi thì vẫn để như cũ, không đổi⁽¹⁴⁾.

Định những chữ hiệu phong tặng cho bách thần. Phàm những vị chính thần đã được phong tặng, không cứ bậc thượng, bậc trung hay bậc hạ, đều ở dưới những chữ mi tự được phong tặng trước, phong thêm hai chữ, nhưng phải theo chữ bắt đầu kể từ trên xuống rồi (dưới chữ phong thêm) lại biện rõ những chữ “Thượng đẳng thần” “Trung đẳng thần” “Tôn thần” “chi thần”, v.v... Về mặt trước tờ sắc, biên nguyên hiệu của thần và những chữ mi tự trước đây được phong. Đến chỗ gia phong, lại đem những chữ mi tự đã phong trước biên liên lại. Còn những vị thần nào xưa nay chưa có phong tặng mà nay mới được phong thì tuân theo lệ phong điển năm đầu Minh Mệnh (1820) chia ra làm ba bậc Thượng, Trung, Hạ⁽¹⁵⁾.

Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), Bộ Lễ tâu: “Những thần linh trong nước, thần hiệu nào trước viết những hiệu chữ “quân, công, hầu, bá” xin đều đổi thành chữ “phủ quân”; trước viết chữ “tả thánh” và “á vương” xin đều cho viết bớt đi”. Vua y lời tâu⁽¹⁶⁾.

Trong hệ thống Lịch đại Đế vương của triều đình ở cấp trung ương hay địa phương, nhà Nguyễn ngay từ đầu đã dứt khoát loại bỏ những triều đại bị coi là tiếm đoạt. Các vua, các nhân vật thuộc triều Hồ, triều Mạc, chúa Trịnh, triều Tây Sơn đều không được dự vào điển thờ. Việc thờ phụng bách thần trong dân cũng phải theo đường lối như vậy. Năm Gia Long thứ 10 (1811) đã có vụ Đặng Trần Thường và Nguyễn Gia Cát vì gian dối trong việc sắc phong thần, trong đó có liệt vào danh sách phúc thần tướng Trịnh, Hoàng Ngũ Phúc, người năm Giáp Ngọ (1774) cầm quân vào lấn phương Nam,

mà bị trị tội nặng. Vì vụ đó mà vua Gia Long hạ chiếu thu lại toàn bộ thần sắc, Bộ Lễ phải bàn lại việc phong tặng.

Đời vua Thiệu Trị cũng đã xảy ra các vụ thanh trừng thần linh.

Đầu tiên phải kể đến việc thờ cúng liên quan đến triều Tây Sơn, kẻ thù không đội trời chung của giòng họ Nguyễn Phúc, bấy giờ đã phát sinh không chỉ trong dân mà cả trong hàng liêu lại triều đình.

Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), tỉnh Bắc Ninh có dân xã Phù Ninh ngầm thờ nguy quý. Vua sai hủy bỏ đền thờ. Nguyên người xã ấy là Nguyễn Thị Huyền, làm cung nhân của vua Lê Hiến Tông, có con gái là Ngọc Hân, gả cho nguy Nguyễn Huệ, sinh được một trai, một gái. Ngọc Hân chết; Con trai, gái cũng chết non cả. Khoảng năm đầu Gia Long, nguy đô đốc là tên Hải ngầm đem hài cốt mẹ con Ngọc Hân từ Phú Xuân về táng trộm ở địa phận xã Phù Ninh, Thị Huyền ngầm cho xây mộ, dựng đền, khắc bia giả dối, đổi lại họ tên để làm mất dấu tích. Tới đây, việc ấy phát giác, vua sai hủy đền thờ, đào bỏ hài cốt kẻ nguy đi⁽¹⁷⁾.

Năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), trong nhà ngục ở phủ Thừa Thiên có đề lao Lê Trường Lộc thờ ngầm cái ma về bên giặc. Việc phát lộ, Lộc bị cách chức phát làm lính ở vệ Kì Vũ. Vua bảo Bộ Hình rằng : “Giặc Tây Sơn tội ác đầy rẫy, thần nhân đều giận. Thế tổ Cao Hoàng đế ta thu phục kinh thành, xa thư nhất thống. Con trai, con gái nguy Nhạc, nguy Huệ lần lượt bị giết. Năm Gia Long Nhâm Tuất (1802) làm lễ cáo nhà tôn miếu, dâng

14. ĐNTLCB. Tập XXIII, tr.363.

15. ĐNTLCB. Tập XXIII, tr. 440, 441.

16. ĐNTLCB. Tập XXIV, tr. 331.

17. ĐNTLCB. Tập XXIV, tr. 183, 184.

những tướng giặc bị bắt, ngục Toàn (Nguyễn Quang Toàn) và những kẻ yếu phạm chánh thứ của giặc đều bị cực hình. Lại đào lấy hài cốt của ngục Nhạc, ngục Huệ đập tan ra, vứt đi, đầu sọ của ngục Nhạc, ngục Huệ để làm đồ đựng nước tiểu, lại mộc chủ của vợ chồng ngục Huệ đem giam ở Vũ khố. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), kính vâng chỉ dụ, chuẩn y lời nghị của Bộ đem mộc chủ của giặc tập hợp lại đóng danh và khoá cùng đầu lâu và hài cốt ngục Huệ, ngục Nhạc, ngục Toàn, bỏ lộn vào một cái hòm gỗ, đổi giam ở nhà ngục phủ Thừa Thiên. Đến nay đã hơn vài mươi năm rồi, tuy luật pháp giết kẻ có tội đã giải tỏ ra khắp thiên hạ, mà kẻ loạn thần tặc tử lười trời khó trốn, thực là một cái án chung nghìn muôn đời không thay đổi được nên phải giam cầm lâu dài để tỏ rõ tội ác của chúng. Vậy phải chuyển súc cho bọn ngục tốt ở đề lao phủ Thừa Thiên vẫn cứ giam kín như trước. Phàm tội con bản triều không được cho là việc đã lâu ngày và nói là đồng xương giặc bữa bãi như bản mà tâu nhằm xin vứt đi. Nếu kẻ nào phạm vào điều cấm này, chuẩn cho bộ tâu hạch, theo luật nặng trị tội⁽¹⁸⁾.

Vụ liên quan tới họ Trịnh vào năm Thiệu Trị thứ 4 (1844).

Phá hủy đền thờ bọn giặc Nguyễn Sĩ Cố và Phạm Đức Cồn. Sĩ Cố và Đức Cồn khi còn sống, nương mình họ Trịnh, chống cự lại quân ta, sau khi chết, đều được (họ Trịnh) phong làm phúc thần. Hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình khai lần vào danh sách bách thần, bộ Lễ tham hạch tâu lên. Vua quả rằng: “Nguyễn Sĩ Cố và Phạm Đức Cồn là con ma giặc, dân gian thờ nhằm đã lâu, không lấy làm trái lẽ (xã Phù Việt, huyện Thạch Hà thờ Sĩ Cố; xã Phù Lưu, huyện Bình Chính thờ Phạm Đức Cồn) thế mà quan tỉnh lại để chúng làm mờ mắt, cứ

khai vào danh sách bách thần! Nếu bảo rằng việc đã lâu, khó phát giác ra, thì nguyên ủy khai ở trong danh sách, mắt trông thấy việc, nên nhổ mắng đến tận người, đâu có thể vì chúng mà tâu xin mong ơn được?” Bèn phá đền đi, quan lại đương thứ đều bị tội⁽¹⁹⁾.

Vì sự cố này mà nhà vua quyết rà soát lại các sắc phong thần tại các địa phương, loại trừ những dấu ấn những triều đại bị coi là ngục như Trịnh, Mạc, Tây Sơn còn sót lại trong điển thờ bách thần của dân chúng.

Năm Thiệu Trị thứ 5 (1845), sai các địa phương tra kỹ sắc thần thờ từ trước trong hạt mình. Trước kia dân hạt Hà Tĩnh, Quảng Bình có thờ ngục quỷ (Nguyễn Sĩ Cố, Phạm Đức Cồn) được Bộ Lễ tra xét ra. Vua cho rằng thần hiệu các địa phương, hoặc do nhà Mạc và Tây Sơn tiếm phong danh hiệu, văn tự cũng có nhiều chữ bội nghịch, bèn sai quan ở Bộ chọn kỹ các sắc thần, đánh hủy đi 300 đạo. Vua dụ rằng: “Đấy cũng là chính thần, nhưng sắc văn do bọn tiếm ngục phong cho. Trong khoảng u minh, chắc thần cũng chẳng nhận sự càn bậy ấy. Duy có sự tích đã khai từ trước, sao có nhiều sự phức tạp! Việc khác giống thế, chắc cũng không ít. Vậy nên thông dụ cho các địa phương: tra xét sắc cũ từ năm Thịnh Đức đời cố Lê trở đi, phạm văn tự quê kệch và gặp chữ húy mà việc đã qua rồi thì không cần xét kỹ; nếu có việc nào thuộc về bản triều mà dùng chữ nhằm bậy và có tiếm hiệu của nhà Mạc, nhà Tây Sơn, hoặc việc nào hơi giống như thế đều hủy bỏ đi⁽²⁰⁾.”

Chính sách này được tiếp tục sau đó. Hệ lụy sang đến cả thần linh thuộc triều

18. ĐNTLCB. Tập XXV, tr. 168, 169.

19. ĐNTLCB. Tập XXV, tr. 173, 174.

20. ĐNTLCB. Tập XXV, tr. 252.

Lý, triều Trần: năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), hủy bỏ đền thờ loạn thần nhà Lý là Trần Thủ Độ, quyền thần là Đỗ Anh Vũ⁽²¹⁾.

Triều Nguyễn đối với các tôn giáo, tín ngưỡng và sự thờ phụng trong dân khoan dung đến chừng mực không làm phương hại đến uy quyền của vương triều, đến tư tưởng chính thống Nho giáo và phong hoá của xã hội. Đối với những biểu hiện mê tín bột phát gây xao động trong dân, chính sách của nhà cầm quyền là sớm loại bỏ để tránh hệ lụy tiêu cực về sau.

Năm vua Thiệu Trị mới lên ngôi (1841) thành Trấn Tây có việc binh biến, đất Ba Xuyên rối loạn, có thổ mục là Lâm Sâm, nguyên là quan lục phẩm của Cao Miên, trốn đến ở phủ Lạc Hoá, đem tà thuật để mê hoặc dân chúng. Minh mặc áo đạo sĩ, tay cầm phướn tà thuật, tự nói là có thể làm phép để giúp việc chinh chiến, dân chúng nhiều kẻ đi theo suy tôn Lâm làm thủ lĩnh, mưu lập con cháu vua Cao Miên. Quân chúng đến vài nghìn người, đánh phá phủ lỵ. Nhà vua sai Nguyễn Lương Nhân đem quân đi đánh. Đến cuối năm ấy mới dẹp tan⁽²²⁾.

Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), cho hủy bỏ bia đá thiên sư ở xã Văn Thai (thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương): Gần đây có bia đá cổ, ngoa truyền là Huệ Tĩnh thiên sư giáng thế (thiên sư người làng Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng) lấy thuốc nam chữa khỏi bệnh, gần xa tranh nhau

đến cầu đảo, hàng ngày kể đến hàng nghìn hàng trăm, quan tỉnh ấy không thể ngăn cấm được, đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : “Việc ấy thuộc về hoang đường, nên phá bỏ ngay đi, để bỏ sự mê hoặc cho người đời” Bèn sai đập đổ bia. Đến đây án sát Nguyễn Khắc Trạch vào hầu, vua triệu vào hỏi việc ấy. Trạch tâu: “Bọn hạ thần kính cẩn theo chỉ vua, mài bỏ bia đá, từ đó đi lại cầu đảo mới hết” Vua bảo rằng : “Dân hèn không biết gì, để cho lời ngoa truyền lừa dối được, cốt ở người trên phải răn cấm hiển dụ”⁽²³⁾.

Vua Thiệu Trị ở ngôi 7 năm, chính sách tín ngưỡng tôn giáo đã được hai vua Gia Long, Minh Mệnh định rõ. Nhà vua chỉ cần trọng thi hành những chính sách, những nghi lễ đã được chế định. Đối với thế giới bách thần, những gì nhà vua làm chủ yếu là bổ khuyết các điểm còn chưa hoàn thiện của hệ thống theo đường hướng nhất thống và đề cao tư tưởng Nho giáo, đồng thời giải quyết những vấn đề phát sinh nếu có nguy cơ phương hại đến sự tập trung quân quyền, đến nền tư tưởng chính trị chính thống. Nói chung những ứng xử trong lĩnh vực bách thần của vua Thiệu Trị cho thấy nhà vua nhất nhất đều hành động vì lợi ích của vương triều và dù thời gian trị vì ngắn ngủi ông cũng đã để lại những dấu ấn của mình./.

21. ĐNTLCB. Tập XXIII, tr.188.

22. ĐNTLCB. Tập XXIII, tr.188.

23. ĐNTLCB. Tập XXVI, tr. 171, 172.